

ĐÁNH GIÁ BƯỚC ĐẦU VỀ SỰ ĐA DẠNG CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT CÓ XƯƠNG SỐNG Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Thị Khánh Quỳnh, Lê Nguyễn Thới Trung,
Hồ Thị Cẩm Giang, Trần Ngọc Nam*
Mai Văn Phô**

LTS: Ngày 23/12/2009, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 2824/QĐ-UBND về việc thành lập Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là một trong bốn Bảo tàng thiên nhiên cấp khu vực được xây dựng theo “Quy hoạch tổng thể hệ thống Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam đến năm 2020” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 86/2006/QĐ-TTg ngày 20/4/2006. Ngay sau khi thành lập, Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung đã triển khai nhiều hoạt động chuyên môn, trong đó có việc kiểm kê, đánh giá các nguồn tài nguyên thiên nhiên để chuẩn bị cho công tác trưng bày. Kết quả của các hoạt động này sẽ được chúng tôi đăng tải dần trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*. Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học và bạn đọc gần xa để công tác sưu tập và trưng bày của Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung đạt hiệu quả mong muốn.

I. Mở đầu

Theo *Địa chí Thừa Thiên Huế* - phần Tự nhiên (2005), tỉnh Thừa Thiên Huế là một trong 14 tỉnh duyên hải miền Trung và là một trong 9 tỉnh thuộc vùng Trung Trường Sơn. Đây là vùng có tính đa dạng cao về thành phần các loài động, thực vật; các sinh cảnh tự nhiên như đầm phá, rừng ngập mặn, các thảm cỏ biển và san hô... [21]. Trong những năm qua đã có nhiều dự án quốc tế và đề tài nghiên cứu trong nước tiến hành điều tra, đánh giá các giá trị đa dạng sinh học của tỉnh. Tuy nhiên các nghiên cứu chủ yếu tập trung ở một số khu vực [như Vườn Quốc gia (VQG) Bạch Mã, khu vực (KV) Hành Lang Xanh, Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Phong Điền, hệ đầm phá Tam Giang-Cầu Hai (TG-CH), Khu bảo tồn (KBT) Sơn Trà-Hải Vân] hoặc cho từng nhóm đối tượng riêng lẻ (khu hệ nấm, khu hệ động vật, thực vật,...) mà chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện mang tính chất điều tra tổng hợp cho toàn tỉnh.

Bảo tàng là một thiết chế văn hóa-khoa học, trong đó chức năng nghiên cứu, trưng bày mẫu vật phục vụ cộng đồng là một chức năng chính. Vì vậy, việc kiểm kê, đánh giá nguồn tài nguyên thiên nhiên khu vực duyên hải miền Trung nói chung, tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhằm trực tiếp phục vụ cho quá trình xây dựng Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung. Để từng bước triển khai nhiệm vụ này, trong năm 2011, Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung đã thực hiện đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở “Thống kê thành phần loài động, thực

* Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế.

** Trường Đại học Khoa học Huế.

vật ở tỉnh Thừa Thiên Huế phục vụ Bảo tàng thiên nhiên” do PGS, TS Trần Ngọc Nam, Giám đốc Sở KH-CN tỉnh Thừa Thiên Huế kiêm Giám đốc Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung chủ trì. Trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 2 (91). 2012, chúng tôi đã trích giới thiệu về sự đa dạng của các thành phần loài thực vật ở Thừa Thiên Huế, trong số này chúng tôi tiếp tục công bố những kết quả nghiên cứu bước đầu về thành phần loài động vật có xương sống ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Do khuôn khổ có hạn của tạp chí, trong bài này, chúng tôi chỉ trích giới thiệu một phần kết quả của đề tài trên.

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu

Thành phần loài của khu hệ động vật có xương sống phân bố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong đó thành phần loài của các lớp Cá, Ếch nhái, Bò sát, Chim và Thú là đối tượng nghiên cứu chủ yếu.

2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp kế thừa*: Thu thập các thông tin và số liệu thứ cấp từ kết quả của các đề tài nghiên cứu, các dự án trong và ngoài nước (như VCF, IMOLA, Hành Lang Xanh...), các tài liệu đã được công bố (sách, chuyên khảo, tạp chí khoa học) về tài nguyên khu hệ động vật có xương sống của tỉnh Thừa Thiên Huế. Trên cơ sở các số liệu sẵn có, kế thừa có chọn lọc để các số liệu khách quan và chính xác hơn nhằm xây dựng bộ danh lục động vật có xương sống đầy đủ nhất hiện nay cho tỉnh Thừa Thiên Huế, phục vụ công tác của Bảo tàng thiên nhiên. Danh lục thành phần loài được thống kê theo các đơn vị phân loại như loài, họ, bộ, lớp, ngành. Giữa các loài trong 1 họ, các họ trong 1 bộ và các bộ trong 1 lớp được sắp xếp theo thứ tự alphabet; trong khi giữa các lớp trong 1 ngành và giữa các ngành được sắp xếp theo mức độ tiến hóa tăng dần. Thứ tự sắp xếp của các lớp động vật có xương sống là Cá, Ếch nhái, Bò sát, Chim, Thú. Trường hợp một loài có nhiều tên khoa học hoặc nhiều tên phổ thông, tiến hành lựa chọn những tên loài được sử dụng phổ biến nhất hiện nay. Ngoài ra, để có sự thống nhất trong hệ thống phân loại, ở mỗi nhóm động vật khác nhau được sắp xếp theo một hệ thống riêng biệt.

- *Phương pháp chuyên gia*: Tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong các lĩnh vực nghiên cứu để xác định chính xác, rõ ràng về thành phần loài động vật (tên khoa học, tên phổ thông, phân loại...).

- *Xử lý thống kê*: Danh lục thành phần loài động vật được thống kê dựa vào các công cụ tin học thường quy (Microsoft Office). Số liệu được xử lý sơ bộ và phân tích thống kê bằng Microsoft Excel.

III. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Trên cơ sở tổng hợp và kế thừa có chọn lọc từ các kết quả nghiên cứu của một số nhóm tác giả cùng với các tài liệu đã công bố đến nay có liên quan đến khu hệ động vật của tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi đã thống kê

sơ bộ được 1.448 loài động vật có xương sống thuộc 215 họ và 52 bộ của 5 lớp khác nhau. Trong đó, lớp Cá (Osteichthyes) đa dạng nhất về thành phần với 700 loài thuộc 101 họ và 20 bộ; tiếp theo là lớp Chim (Aves) có 409 loài và 62 họ thuộc 18 bộ. Lớp Thú (Mammalia) có 147 loài, 29 họ thuộc 10 bộ. Lớp Bò sát (Reptilia) có 106 loài thuộc 17 họ và 2 bộ. Lớp Ếch nhái (Amphibia) kém đa dạng nhất với 86 loài thuộc 6 họ và 2 bộ (Bảng 1).

Bảng 1. Số lượng các taxon của các lớp động vật có xương sống ở tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Lớp	Bộ		Họ		Loài	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Cá	20	38,46	101	46,98	700	48,34
2	Ếch nhái	2	3,85	6	2,79	86	5,94
3	Bò sát	2	3,85	17	7,91	106	7,32
4	Chim	18	34,62	62	28,84	409	28,25
5	Thú	10	19,23	29	13,49	147	10,15
	Tổng	52	100	215	100	1.448	100

Như vậy có thể thấy rằng khu hệ động vật của tỉnh Thừa Thiên Huế tương đối phong phú và đa dạng. Theo kết quả thống kê ở bảng 2 cho thấy bình quân mỗi bộ có 4,58 họ và 33,68 loài; mỗi họ có 7,83 loài.

Bảng 2. Tỷ số đa dạng giữa các taxon của các lớp động vật có xương sống ở tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Lớp	Họ/Bộ	Loài/Bộ	Loài/Họ
1	Cá	5,05	35,00	6,93
2	Ếch nhái	3,00	43,00	14,33
3	Bò sát	8,50	53,00	6,24
4	Chim	3,44	22,72	6,60
5	Thú	2,90	14,70	5,07
	Trung bình	4,58	33,68	7,83

1. Thành phần loài cá ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Kết quả thống kê đã xác định được 700 loài cá sống trong các sông, suối, thủy vực và đầm phá ven biển thuộc địa phận tỉnh Thừa Thiên Huế [5, 6, 8, 12, 14, 15, 26, 27]. Các loài cá của khu hệ thuộc 101 họ và 20 bộ khác nhau (Bảng 3). Trong đó, bộ cá Vược (Perciformes) chiếm ưu thế nhất về số lượng loài với 354 loài (chiếm 50,57%) thuộc 51 họ (chiếm 50,50%); tiếp đến là bộ cá Chép (Cypriniformes) có 133 loài (19,00%) thuộc 3 họ (2,97%); bộ cá Nóc (Tetraodontiformes) có 47 loài (6,70%) thuộc 6 họ (5,94%). Các bộ cá còn lại có số lượng loài ít hơn, chiếm dưới 4% tổng số. Đặc biệt, họ cá Chép (Cyprinidae) (thuộc bộ cá Chép) có thành phần loài nhiều nhất (107 loài), chiếm 15,29% tổng số loài. So với thành phần loài cá thuộc một số kiểu sinh thái khác phân bố trên toàn quốc, thành phần loài cá ở tỉnh Thừa Thiên Huế đa dạng và phong phú hơn. Trong đó, khu hệ cá ở một số cửa sông, đầm phá ven biển các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Phú Yên, khu hệ cá ở miền Bắc và khu hệ cá miền Nam có số lượng loài dao động từ 200-255 loài, chỉ bằng 28,57-36,43% so với số lượng loài cá ở Thừa Thiên Huế [13, 14]. Đồng bằng sông Cửu Long tuy có số lượng nhiều hơn (437 loài) nhưng cũng chỉ bằng 62,43% của Thừa Thiên Huế [1].

Bảng 3. Số lượng, tỷ lệ các họ và loài của các bộ cá ở tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Tên bộ		Họ		Loài	
	Tên khoa học	Tên phổ thông	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Anguilliformes	Bộ cá Chình	6	5,94	25	3,57
2	Atheriniformes	Bộ cá Suốt	1	0,99	2	0,29
3	Beloniformes	Bộ cá Kim	3	2,97	10	1,43
4	Beryciformes	Bộ cá Tráp mắt vàng	1	0,99	4	0,57
5	Clupeiformes	Bộ cá Trích	3	2,97	23	3,29
6	Cypriniformes	Bộ cá Chép	3	2,97	133	19,00
7	Beloiformes	Bộ cá Sóc	1	0,99	3	0,43
8	Elopiformes	Bộ cá Cháo biển	2	1,98	2	0,29
9	Gasterosteiformes	Bộ cá Gai	1	0,99	2	0,29
10	Gonorrhynchiformes	Bộ cá Sĩa	1	0,99	1	0,14
11	Lophiiformes	Bộ cá Vây chân	1	0,99	4	0,57
12	Mugiliformes	Bộ cá Đối	3	2,97	26	3,71
13	Myctophiformes	Bộ cá Đèn	2	1,98	6	0,86
14	Osteoglossiformes	Bộ cá Thát lát	1	0,99	1	0,14
15	Perciformes	Bộ cá Vược	51	50,50	354	50,57
16	Pleuronectiformes	Bộ cá Bơn	3	2,97	15	2,14
17	Scorpaeniformes	Bộ cá Mù làn	3	2,97	13	1,86
18	Silluriformes	Bộ cá Nheo	7	6,93	26	3,71
19	Synbranchiformes	Bộ cá Mang liềm	2	1,98	3	0,41
20	Tetraodontiformes	Bộ cá Nóc	6	5,94	47	6,71
	Tổng		101	100	700	100

Như vậy, khu hệ cá ở tỉnh Thừa Thiên Huế với 700 loài đã thể hiện được tính đa dạng sinh học cao về loài. Ngoài ra, tính đa dạng còn thể hiện ở các bậc phân loại cao hơn. Bình quân mỗi bộ có khoảng 5,05 họ và 35,00 loài; mỗi họ có khoảng 6,93 loài (Bảng 2).

2. Thành phần loài ếch nhái-bò sát ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Cho đến nay đã thống kê được 192 loài ếch nhái-bò sát thuộc 23 họ và 4 bộ xuất hiện ở Thừa Thiên Huế (Bảng 4) [5, 8, 24, 25]. So với toàn quốc, thành phần loài ếch nhái-bò sát của tỉnh Thừa Thiên Huế chiếm 41,92% (192/458) tổng số loài, 69,70% (23/33) số họ và 66,67% (4/6) số bộ [18]. Ngoài ra, kết quả so sánh mức độ đa dạng khu hệ ếch nhái-bò sát của tỉnh Thừa Thiên Huế so với một số tỉnh như Thái Nguyên [2], Thanh Hóa [11] và Phú Yên [3] cũng cho thấy thành phần loài ở đây phong phú và đa dạng hơn nhiều, chỉ đứng sau khu hệ ếch nhái-bò sát của vùng Bắc Trung Bộ (226 loài thuộc 26 họ và 5 bộ) [17].

Bảng 4. Số lượng, tỷ lệ các họ và loài của các bộ ếch nhái-bò sát ở tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Tên bộ		Họ		Loài	
	Tên khoa học	Tên phổ thông	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Anura	Bộ Ếch nhái không đuôi	5	21,74	85	44,27
2	Gymnophonia	Bộ Ếch nhái không chân	1	4,35	1	0,52
3	Squamata	Bộ Có vảy	13	56,52	96	50,00
4	Testudinata	Bộ Rùa	4	17,39	10	5,21
	Tổng	4	23	100	192	100

Trong thành phần loài ếch nhái-bò sát đã xác định được ở Thừa Thiên Huế, lớp ếch nhái có 86 loài và lớp bò sát có 106 loài. Thành phần loài tập

trung nhiều nhất ở bộ Có vảy (Squamata) với 96 loài (chiếm 50,00% tổng số) thuộc 13 họ (chiếm 56,52% tổng số). BộẾch nhái không đuôi (Anura) có số lượng loài ít hơn, 85 loài (44,27%) thuộc 5 họ (21,74%). Đặc biệt, bộẾch nhái không chân (Gymnophonia) kém đa dạng nhất với 1 loài (0,52%) và 1 họ (4,35%) (Bảng 4).

3. Thành phần loài chim ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng 5. Số lượng, tỷ lệ các họ và loài của các bộ chim ở Thừa Thiên Huế

STT	Tên bộ		Họ		Loài	
	Tên khoa học	Tên phổ thông	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Anseriformes	Bộ Ngỗng	1	1,61	6	1,47
2	Apodiformes	Bộ Yến	1	1,61	7	1,71
3	Caprimulgiformes	Bộ Cú muỗi	2	3,23	4	0,98
4	Charadriiformes	Bộ Rẽ	8	12,90	29	7,09
5	Ciconiiformes	Bộ Hạc	1	1,61	14	3,42
6	Columbiformes	Bộ Bồ câu	1	1,61	18	4,40
7	Coraciiformes	Bộ Sả	5	8,06	25	6,11
8	Cuculiformes	Bộ Cu cu	1	1,61	14	3,42
9	Falconiformes	Bộ Cắt	3	4,84	25	6,11
10	Galliformes	Bộ Gà	1	1,61	14	3,42
11	Gruiformes	Bộ Sếu	2	3,23	9	2,20
12	Passeriformes	Bộ Sẻ	29	46,77	210	51,34
13	Pelecaniformes	Bộ Bồ nông	1	1,61	1	0,24
14	Piciformes	Bộ Gõ kiến	2	3,23	18	4,40
15	Podicipediformes	Bộ Chim lặn	1	1,61	1	0,24
16	Psittaciformes	Bộ Vẹt	1	1,61	4	0,98
17	Strigiformes	Bộ Cú	1	1,61	8	1,96
18	Trogoniformes	Bộ Nước	1	1,61	2	0,49
	Tổng	18	62	100	409	100

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả, chúng tôi ghi nhận được 409 loài chim thuộc 62 họ và 18 bộ xuất hiện trên địa bàn Thừa Thiên Huế [5, 8, 20, 24, 25]. Kết quả ở bảng 5 cho thấy các loài và họ phân bố không đồng đều trong các bộ chim ở Thừa Thiên Huế. Theo chỉ số đa dạng trung bình, mỗi bộ có 3,44 họ và 22,72 loài; mỗi họ có 6,60 loài (Bảng 2). Trong 18 bộ chim đã được xác định, bộ Sẻ (Passeriformes) thể hiện tính đa dạng cao nhất với 210 loài (chiếm 51,34% tổng số loài) thuộc 29 họ (chiếm 46,77% tổng số họ). Trong khi bộ Rẽ (Charadriiformes) có 29 loài (7,09%) thuộc 8 họ (12,90%). Các bộ chim còn lại (16/18 bộ) có số lượng họ và loài rất ít (Bảng 5). Mặt khác, kết quả thống kê còn cho thấy có 15/62 họ chim (chiếm 24,19%) được xem là họ giàu loài (HGL) - họ có số loài lớn hơn hay bằng 10 [10]; trong đó bộ Sẻ có số lượng HGL nhiều nhất (7 họ). Ngoài ra, số họ có ít loài (1-2 loài) cũng chiếm một tỷ lệ khá cao: 33,87%.

Kết quả so sánh với thành phần loài chim của toàn quốc cho thấy hầu hết đại diện của các bộ, họ chim ở Việt Nam đều có mặt ở tỉnh Thừa Thiên Huế, ngoại trừ bộ Hải âu (Procellariiformes) [22]. Với 409 loài chim đã được thống kê, tỉnh Thừa Thiên Huế có khoảng 94,74% số bộ (18/19), 80,52% số họ (62/77) và 49,10% số loài (409/833) so với cả nước. Mặt khác, sự chênh lệch về thành phần loài chim của tỉnh Thừa Thiên Huế so với một số VQG và KBTTN ở Bắc Trung Bộ [10] và miền Nam nước ta [16] là ít hơn so với tỉnh Thái Nguyên [2] và một số vườn chim, VQG ở miền Bắc [19].

4. Thành phần loài thú ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Qua quá trình tổng hợp và thống kê đã xác định được 147 loài thú thuộc 29 họ và 10 bộ có trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế [5, 8, 24, 25]. Thành phần loài thú ghi nhận được ở đây lần lượt chiếm 57,65% số loài (147/255), 76,32% số họ (29/38) và 83,33% số bộ thú (10/12) của toàn quốc [7].

Trong đó, bộ Ăn thịt (Carnivora) và bộ Dơi (Chiroptera) là đa dạng nhất về bậc họ, chiếm 20,69% (mỗi bộ 6 họ). Đa dạng về bậc loài cao nhất là bộ Dơi với 64 loài, chiếm 43,54% tổng số loài. Ngược lại, bộ Cánh da (Dermoptera) có số lượng họ và loài thấp nhất với 1 họ (3,45%) và 1 loài (0,68%) (Bảng 6). Như vậy, thành phần loài thú ở tỉnh Thừa Thiên Huế khá đa dạng và phong phú, thể hiện ở tất cả các bậc phân loại. Ngoài ra, trong tổng số 29 họ thú phân bố ở Thừa Thiên Huế, họ Dơi muỗi (Vespertilionidae) (thuộc bộ Dơi) chiếm ưu thế nhất về số lượng loài, 21,09% so với tổng số (31 loài). Đặc biệt tỷ lệ phần trăm số họ có số lượng loài chiếm dưới 10% là khá cao, 86,21% (25/29 họ). Kết quả này cho thấy thành phần loài của các bộ thú khác biệt nhau rất lớn và trong cùng một bộ, số loài của các họ cũng rất khác nhau.

Bảng 6. Số lượng, tỷ lệ các họ và loài của các bộ thú ở Thừa Thiên Huế

STT	Tên bộ		Họ		Loài	
	Tên khoa học	Tên phổ thông	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Artiodactyla	Bộ Guốc chẵn	4	13,79	9	6,12
2	Carnivora	Bộ Ăn thịt	6	20,69	27	18,37
3	Chiroptera	Bộ Dơi	6	20,69	64	43,54
4	Dermoptera	Bộ Cánh da	1	3,45	1	0,68
5	Insectivora	Bộ Ăn sâu bọ	1	3,45	2	1,36
6	Lagomorpha	Bộ Thỏ	1	3,45	2	1,36
7	Pholidota	Bộ Tê tê	1	3,45	2	1,36
8	Primates	Bộ Linh trưởng	3	10,34	11	7,48
9	Rodentia	Bộ Gặm nhấm	5	17,24	26	17,69
10	Scandenta	Bộ Nhiều răng	1	3,45	3	2,04
	Tổng	10	29	100	147	100

Kết quả so sánh mức độ đa dạng của khu hệ thú ở tỉnh Thừa Thiên Huế so với một số vùng khác trên toàn quốc cho thấy tỉnh Thừa Thiên Huế có số lượng loài thú nhiều hơn hẳn. Trong đó, sự chênh lệch giữa khu hệ thú của tỉnh Thừa Thiên Huế so với một số tỉnh trong khu vực Bắc Trung Bộ như Quảng Trị [4], Thanh Hóa [9] là ít hơn so với các khu vực còn lại như Thái Nguyên [2], Lâm Đồng [23], Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu [16]. Nguyên nhân của hiện tượng này có thể là do các tỉnh này nằm trong điều kiện địa lý gần nhau thuộc khu vực miền Trung nên ít có sự sai khác về thành phần loài thú.

IV. Kết luận

- Đã thống kê được 1.448 loài động vật có xương sống thuộc 215 họ, 52 bộ của 5 lớp khác nhau trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong đó, lớp Cá (Osteichthyes) đa dạng nhất về thành phần với 700 loài thuộc 101 họ và 20 bộ; tiếp theo là lớp Chim (Aves) có 409 loài, 62 họ thuộc 18 bộ. Lớp Thú (Mammalia) có 147 loài, 29 họ thuộc 10 bộ. Lớp Bò sát (Reptilia) có 106 loài thuộc 17 họ và 2 bộ. Lớp Ếch nhái (Amphibia) kém đa dạng nhất với 86 loài thuộc 6 họ và 2 bộ.

- Tính đa dạng của các loài động vật ở tỉnh Thừa Thiên Huế không chỉ thể hiện ở taxon loài mà còn thể hiện ở các bậc phân loại cao hơn, bình quân mỗi bộ có 4,58 họ và 33,68 loài; mỗi họ có 7,83 loài.

- Một số kết quả so sánh cho thấy thành phần loài động vật có xương sống ở tỉnh Thừa Thiên Huế có tính đa dạng khá cao so với những vùng khác trên toàn quốc.

N T K Q - L N T T - H T C G - T N N - M V P

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Xuân Cảnh và Hà Quý Quỳnh, "Đa dạng sinh học và bảo tồn ở đồng bằng sông Cửu Long (phần đất liền)", *Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ hai*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2007, tr. 179-191.
2. Lê Xuân Cảnh, Hà Quý Quỳnh và Đặng Huy Phương, "Kết quả nghiên cứu đa dạng sinh học ở tỉnh Thái Nguyên", *Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ hai*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2007, tr. 192-199.
3. Ngô Đắc Chứng và Trần Duy Ngọc, "Thành phần loài ếch nhái (Amphibia) và bò sát (Reptilia) của tỉnh Phú Yên", tạp chí *Sinh học*, số 29, 2007, tr. 20-25.
4. Nguyễn Xuân Đăng, Đặng Ngọc Cần và Nguyễn Xuân Nghĩa, "Danh mục các loài thú (Mammalia) đã ghi nhận được ở tỉnh Quảng Trị", *Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ hai*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2007, tr. 19-26.
5. Dickinson CJ và Văn Ngọc Thịnh, "Đánh giá khu hệ động, thực vật vùng cảnh quan Hành Lang Xanh, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam", Báo cáo số 7: Dự án Hành Lang Xanh, WWF Greater Mekong & Chương trình Việt Nam và Chi cục Kiểm lâm Thừa Thiên Huế, Việt Nam, 2006.
6. Nguyễn Văn Hoàng và Nguyễn Hữu Dực, "Nghiên cứu đa dạng thành phần loài và đặc điểm phân bố cá sông Hương, tỉnh Thừa Thiên Huế", *Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống*, Báo cáo khoa học hội nghị toàn quốc, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2007, tr. 486-586.
7. Đặng Huy Huỳnh, Cao Văn Sung, Lê Xuân Cảnh và nnk, *Lớp thú - Mammalia. Động vật chí Việt Nam*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2008, tập 25.
8. Huỳnh Văn Kéo và Trần Thiện Ân, *Kiểm kê danh lục động-thực vật VQG Bạch Mã*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2011.
9. Lê Vũ Khôi, 2000, "So sánh đặc tính đa dạng sinh học các loài thú ở VQG và KBTTN miền Bắc Việt Nam", *Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong sinh học*, Báo cáo khoa học Hội nghị Sinh học quốc gia, tr. 546-550.
10. Lê Vũ Khôi, Võ Văn Phú, Ngô Đắc Chứng và Lê Trọng Sơn, *Đa dạng sinh học động vật VQG Bạch Mã*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2004.
11. Lê Nguyên Ngật và Nguyễn Văn Sáng, "Về thành phần loài lưỡng cư, bò sát ở một số vùng thuộc tỉnh Thanh Hóa", Hội thảo quốc gia về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ nhất, 2005, tr. 165-171.
12. Võ Văn Phú và Trần Hồng Đình, "Thành phần loài cá đầm Lăng Cô tỉnh Thừa Thiên Huế", tạp chí *Sinh học*, số 22, 2000, tr. 50-55.
13. Võ Văn Phú, Nguyễn Duy Chinh và Hồ Thị Hồng, "Cấu trúc thành phần loài khu hệ cá một số cửa sông ven biển miền Trung", tạp chí *Khoa học*, Đại học Huế, số 25, 2004, tr. 97-103.
14. Võ Văn Phú và Nguyễn Thành Đăng, "Đa dạng thành phần loài cá ở hệ thống sông Truồi, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế", tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 5 (70). 2008, tr. 44-52.
15. Võ Văn Phú và Trần Thụy Cẩm Hà, "Đa dạng thành phần loài cá ở hệ thống sông Bù Lu thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế", tạp chí *Khoa học*, Đại học Huế, số 49, 2008, tr. 111-121.
16. Đặng Huy Phương, Hà Quý Quỳnh và Nguyễn Quảng Trường, "Tài nguyên động vật có xương sống (thú, chim, bò sát, ếch nhái) VQG Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận", *Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống*, Báo cáo khoa học hội nghị toàn quốc, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2005, tr. 250-252.

17. Hoàng Xuân Quang, Hoàng Ngọc Thảo và Hồ Anh Tuấn, “Các loài ếch nhái, bò sát bổ sung cho khu vực Bắc Trung Bộ ghi nhận có ở VQG Bạch Mã”, *Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống, Báo cáo khoa học hội nghị toàn quốc*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2007, tr. 139-142.
18. Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc và Nguyễn Quảng Trường, *Danh lục ếch nhái và bò sát Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2005, tr. 611-617.
19. Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Quan Thị Dung và Đặng Thị Thu Hoài, “Một số dẫn liệu bước đầu về thành phần loài chim ở VQG Hải Lưu”, tỉnh Vĩnh Phúc, tạp chí *Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên & Công nghệ, số 25, 2009, tr. 188-195.
20. Trần Đức Thanh, Nguyễn Chu Hồi, Nguyễn Hữu Cử và nnk, “Đánh giá tiềm năng và đề xuất lựa chọn khu bảo vệ đất ngập nước hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai”, Báo cáo công trình, 1998.
21. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Địa chí Thừa Thiên Huế - Phần Tự nhiên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.
22. Lê Đình Thủy, *Lớp chim - Aves. Động vật chí Việt Nam*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2007, tập 18.
23. Lê Đình Thủy, Đặng Huy Phương và Hồ Thu Cúc, “Đa dạng sinh học thú, chim, bò sát, ếch nhái của khu du lịch sinh thái hồ Tuyên Lâm, tỉnh Lâm Đồng”, *Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ hai*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2007, tr. 596-602.
24. Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Huy Yết, Phạm Đình Trọng và nnk, Báo cáo đề tài “Điều tra đa dạng sinh học vùng Sơn Chà - Bắc Hải Vân (Thừa Thiên Huế)”, 2002.
25. Lê Trọng Trãi, Trần Hiếu Minh, Trần Quang Ngọc, Trần Quốc Dũng và Hughes R, Dự án đầu tư Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế, Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng, Hà Nội, Việt Nam, 2001, Báo cáo bảo tồn số 27.
26. Hoàng Thị Long Viên và Võ Văn Phú, “Về đa dạng sinh học thành phần loài cá hệ sinh thái sông Bồ, tỉnh Thừa Thiên Huế”, *Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống, Báo cáo hội nghị toàn quốc*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2007, tr. 626-630.
27. Do Cong Thung, Environment and resources in the Tam Giang-Cau Hai lagoon, Final Report, Project IMOLA Hue, Intergrated management of lagoon activities Imola project, 2007.

TÓM TẮT

Nhằm phục vụ cho công tác sưu tập và trưng bày mẫu vật của Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung, trên cơ sở tổng hợp và kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu trước đây, bước đầu các tác giả đã thống kê được 1.448 loài động vật có xương sống thuộc 215 họ, 52 bộ của 5 lớp khác nhau trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Bình quân mỗi bộ có 4,58 họ và 33,68 loài; mỗi họ có 7,83 loài. Trong đó, lớp Cá (Osteichthyes) đa dạng nhất về thành phần với 700 loài thuộc 101 họ và 20 bộ; tiếp theo là lớp Chim (Aves) có 409 loài, 62 họ thuộc 18 bộ. Lớp Thú (Mammalia) có 147 loài, 29 họ thuộc 10 bộ. Lớp Bò sát (Reptilia) có 106 loài thuộc 17 họ và 2 bộ. Lớp Ếch nhái (Amphibia) kém đa dạng nhất với 86 loài thuộc 6 họ và 2 bộ. Như vậy có thể thấy rằng thành phần loài động vật có xương sống ở tỉnh Thừa Thiên Huế khá phong phú. Ngoài ra một số kết quả so sánh khác cũng cho thấy thành phần loài ở khu vực này có tính đa dạng cao hơn so với những vùng khác trên toàn quốc.

ABSTRACT

INITIAL EVALUATION ON THE DIVERSITY OF VERTEBRATA IN THỪA THIÊN HUẾ PROVINCE

For collection and exhibition of the Nature Museum Central Coast in Thừa Thiên Huế Province, the statistical results showed about 1,448 vertebrata species, 215 families and 52 orders belonging to 5 different classes: Osteichthyes (700 species, 101 families and 20 orders), Aves (409 species, 62 families and 18 orders), Mammalia (147 species, 29 families and 10 orders), Reptilia (106 species, 17 families and 2 orders) and Amphibia (86 species, 6 families and 2 orders). Among which, Osteichthyes is the highest diversity. Each order has a average value of 4.58 families and 33.68 species; and each families has a average value of 7.83 species. So, the composition of vertebrata species in Thừa Thiên Huế Province has high degree of diversity, and they have more diversity than other reasons in Vietnam.